

Số: *117*/2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày *16* tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ

**Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí
ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 26/2018/QH15;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính – Kinh tế ngành;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, khu vực, châu lục và thế giới được quy định tại Điều 13 và Điều 37 Luật Thể dục, thể thao năm 2006 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 và khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018, được tổ chức tại Việt Nam và có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là giải thi đấu thể thao).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các bộ, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ, kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao quy định tại Điều 1 Thông tư này.
- Thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức và các tiểu ban đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao.
- Thành viên ban tổ chức và các tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu.
- Trọng tài, giám sát điều hành, trợ lý các giải thi đấu; thư ký trọng tài, điều phối viên môn bóng đá, futsal.
- Vận động viên, huấn luyện viên.
- Người tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ.
- Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu.

8. Cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí chi trả cho các nội dung quy định tại Thông tư này được bố trí từ nguồn tài chính cho thể dục, thể thao theo quy định tại Điều 64 Luật Thể dục, thể thao.

2. Kinh phí bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, trong đó:

a) Cơ quan chủ trì tổ chức giải thi đấu thể thao có trách nhiệm cân đối, bố trí kinh phí để tổ chức giải trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước giao và các nguồn thu huy động được. Ngân sách trung ương không hỗ trợ kinh phí cho việc tổ chức giải thi đấu cấp tỉnh, thành phố, các giải thi đấu cấp liên tỉnh, thành phố;

b) Cơ quan cử vận động viên tham gia thi đấu có trách nhiệm cân đối, bố trí kinh phí bảo đảm cho việc đi lại, ăn, thuê chỗ nghỉ và các chế độ theo quy định đối với vận động viên, huấn luyện viên và các cán bộ thuộc đoàn thể thao được cử tham gia thi đấu.

Điều 4. Nội dung chi và mức chi

1. Chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu:

a) Đối tượng và mức chi:

Số thứ tự	Đối tượng	Mức chi (đồng/người)
I	Đại hội, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia	
1	Trưởng ban, phó trưởng ban, thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức; trưởng các tiểu ban chuyên môn và phó trưởng các tiểu ban chuyên môn	240.000/ngày
2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	200.000/ngày
3	Giám sát, trọng tài chính (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	240.000/buổi
4	Thư ký, trọng tài khác (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	170.000/buổi
5	Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ	100.000/buổi
6	Người tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ (đối với các Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao toàn quốc)	
a	Người tập	
-	Tập luyện	80.000/buổi

Số thứ tự	Đối tượng	Mức chi (đồng/người)
-	Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	120.000/buổi
-	Chính thức	195.000/buổi
b	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	170.000/buổi
7	Trọng tài chính, trợ lý trọng tài, giám sát, điều phối viên môn bóng đá, futsal tại Đại hội thể thao toàn quốc; giải bóng đá trẻ quốc gia	
a	Giải bóng đá nam, nữ	
-	Trọng tài chính	400.000/buổi
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	270.000/buổi
-	Điều phối viên	200.000/buổi
b	Giải futsal nam, nữ và bãi biển	
-	Trọng tài chính	270.000/buổi
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	200.000/buổi
-	Điều phối viên	150.000/buổi
II	Đại hội, giải thi đấu thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam	
1	Quan chức, giám sát, trọng tài người nước ngoài; giám sát, trọng tài quốc tế người Việt Nam do Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc tế phong cấp và điều động	Theo quy định hoặc thông lệ của các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc tế.
2	Trưởng ban, Phó trưởng ban, thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức; trưởng, phó các tiểu ban (người Việt Nam, trừ đối tượng quy định tại khoản 1 Mục này)	510.000/ngày
3	Thành viên các tiểu ban	290.000/ngày
4	Giám sát, trọng tài chính (người Việt Nam, trừ đối tượng quy định tại khoản 1 Mục này)	340.000/buổi
5	Các đối tượng khác (người Việt Nam)	Theo chế độ quy định tại mục I bảng này.

b) Đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này được xác định theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền;

c) Nguyên tắc chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu:

- Được tính theo ngày làm nhiệm vụ thực tế hoặc theo buổi thi đấu, trận thi đấu thực tế. Số ngày làm nhiệm vụ, buổi thi đấu, trận thi đấu thực tế thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất và không được thanh toán tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ trong thời gian làm nhiệm vụ.

2. Chi tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại:

a) Đối với các đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 2 của Thông tư này là người Việt Nam: thời gian được thanh toán bao gồm thời gian tham gia giải thi đấu và tối đa không quá 02 ngày trước thi đấu, 01 ngày sau thi đấu; mức chi cụ thể như sau:

- Tiền ăn trong thời gian tham gia giải thi đấu thực hiện theo chế độ phụ cấp lưu trú quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC (sau đây gọi là Thông tư số 40/2017/TT-BTC).

- Tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

Người thuộc đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi đi công tác phục vụ đại hội, giải thi đấu được hưởng chế độ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại theo quy định tại Thông tư này hoặc chế độ phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

b) Đối với quan chức, trọng tài, giám sát người nước ngoài; trọng tài, giám sát người Việt Nam do Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc tế phong cấp và điều động: Việc chi tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại thực hiện theo thực tế nhưng mức tối đa không vượt quá quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước (sau đây gọi là Thông tư số 71/2018/TT-BTC)

3. Chi chế độ cho huấn luyện viên thể thao, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu và Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao.

4. Chi thù lao sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn (đối với các Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao toàn quốc): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ

quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

5. Chi dịch thuật: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 71/2018/TT-BTC.

6. Các khoản chi khác: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, đối với các nội dung chưa được quy định mức chi tại Thông tư này và các văn bản pháp luật khác thì thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc, theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu:

- a) Chi tổ chức lễ khai mạc, bế mạc, trang trí, thuê trang phục, đạo cụ;
- b) Chi thuê phương tiện truyền thông, tuyên truyền, hợp báo, hội nghị, hội thảo, tập huấn trọng tài;
- c) Chi phí đi lại (đối với các đối tượng chưa quy định tại khoản 2 Điều này), thuê phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị phục vụ công tác tổ chức giải;
- d) Chi làm huy chương, cờ, cúp;
- đ) Chi in vé, giấy mời;
- e) Chi thuê địa điểm, tiền điện, nước tại địa điểm thi đấu;
- g) Chi khám phân loại thương tật (đối với các giải thể thao người khuyết tật);
- h) Các khoản chi khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

Điều 5. Lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước

Việc lập dự toán, chấp hành ngân sách nhà nước và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về kế toán, pháp luật về thể dục, thể thao, pháp luật khác có liên quan và các quy định sau đây:

1. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch, nhiệm vụ tổ chức các giải thi đấu thể thao được cấp có thẩm quyền phê duyệt, dự kiến nguồn thu từ bán vé xem thi đấu, tài trợ, quảng cáo, bán bản quyền phát thanh, truyền hình và các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có), cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách được giao nhiệm vụ tổ chức giải phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, lập dự toán đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ, tổng hợp vào dự toán của cơ quan, đơn vị mình, gửi cơ quan quản lý cấp trên xem xét, tổng hợp chung vào dự toán của đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao, đơn vị dự toán cấp I thực hiện phân bổ, giao dự toán ngân sách cho các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ tổ chức giải theo quy định.

3. Sau khi kết thúc giải, cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tập hợp chứng từ thu, chi và quyết toán kinh phí (bao gồm nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn khác) theo đúng các quy định về chế độ quản lý tài chính hiện hành, tổng hợp vào báo

cáo quyết toán ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về kế toán.

4. Trường hợp nguồn ngân sách nhà nước đã bảo đảm kinh phí tổ chức giải thi đấu theo chế độ quy định được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thì kinh phí huy động, đóng góp, ủng hộ, tài trợ phải nộp ngân sách nhà nước (trừ các nội dung thực hiện theo yêu cầu riêng của nhà tài trợ, đóng góp, ủng hộ căn cứ hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận theo quy định của pháp luật).

Đối với các nguồn thu từ bán vé xem thi đấu, tài trợ, quảng cáo, đóng góp của các đoàn thể thao quốc gia tham dự, bán bản quyền phát thanh, truyền hình và các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có): Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức giải lập kế hoạch thu và quản lý thu khoa học, công khai, minh bạch; sử dụng kinh phí do cơ quan tổ chức giải thi đấu quyết định theo quy định tại Điều 4 Thông tư này (trừ các khoản đầu tư, đóng góp, tài trợ, viện trợ có địa chỉ thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ); số còn lại (nếu có) nộp vào ngân sách nhà nước. Nguồn thu này được quản lý, theo dõi trên sổ sách, tài khoản riêng.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2026.

2. Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao hết hiệu lực thi hành từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với các giải thi đấu được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành và các giải thi đấu thể thao được tổ chức trong năm 2025, các cơ quan, đơn vị chủ động sắp xếp kinh phí trong phạm vi dự toán đã được cấp có thẩm quyền giao năm 2025 để thực hiện.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định các mức chi cụ thể để tổ chức các giải thi đấu thể thao do địa phương tổ chức để thực hiện cho phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, tình hình thực tế và tính chất của từng giải.

2. Đối với các giải thể thao quần chúng do cơ quan, tổ chức quyết định tổ chức; các giải thể thao khác do Bộ, ngành, địa phương tổ chức theo quy định của Luật Thể dục, thể thao (trừ các giải thể thao đã quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này): Cơ quan, tổ chức phê duyệt mức chi đối với giải thi đấu thuộc phạm vi quản lý phù hợp với khả năng cân đối và tình hình thực tế của cơ quan, tổ chức.

3. Đối với các giải thi đấu, trận thi đấu do các Liên đoàn thể thao, Hiệp hội thể thao tổ chức hoặc đăng cai tổ chức: Liên đoàn thể thao, Hiệp hội thể thao tự

cân đối kinh phí tổ chức giải, ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có) đối với các nhiệm vụ do Nhà nước giao theo quy định của pháp luật hiện hành. Phần kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có) thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết. *juh*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh;
- KBNN các khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Công báo, Công TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT, các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KTN. (130 bản). *juh*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Bích Ngọc